

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án Sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng Sân vận động tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 sửa đổi, bổ sung các Nghị định lĩnh vực quản lý nhà nước Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2941/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt dự toán kinh phí sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng Sân vận động tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 8248/SXD-HĐXD ngày 01 tháng 11 năm 2024 về việc phê duyệt dự án Sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng Sân vận động tỉnh Thanh Hóa (kèm theo hồ sơ Dự án).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng Sân vận động tỉnh Thanh Hóa với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng Sân vận động tỉnh Thanh Hóa.

2. Chủ đầu tư: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

3. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật: Công ty TNHH tư vấn và xây dựng Phúc Vinh.

4. Địa điểm xây dựng: Trong khuôn viên Sân vận động tỉnh Thanh Hóa.

5. Nhóm dự án, loại, cấp công trình: Nhóm C, loại công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp IV.

6. Số bước thiết kế: 01 bước.

7. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn: Theo danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn chủ yếu áp dụng cho dự án đã được Sở Xây dựng thẩm định tại Công văn số 8047/SXD-HĐXD ngày 24/10/2024.

8. Quy mô đầu tư, giải pháp thiết kế chủ yếu

Quy mô: Sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, cụ thể như sau:

- Kiểm tra, vệ sinh tủ điện chiếu sáng.

- Đo kiểm độ sáng của đèn.

- Sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống đèn:

+ Cột đèn C1: Thay mới bóng đèn bằng bóng đèn 1500W chống lóa, vệ sinh chóa, kính của đèn tại vị trí bóng số 13 và 17; thay mới 01 tụ của đèn; bảo dưỡng các đèn còn lại.

+ Cột đèn C2: Thay mới bóng đèn bằng bóng đèn 1500W chống lóa, vệ sinh chóa, kính của đèn tại vị trí bóng số 11 và 24; thay mới 01 tụ của đèn; bảo dưỡng các đèn còn lại.

+ Cột đèn C3: Thay mới bóng đèn bằng bóng đèn 1500W chống lóa, vệ sinh chóa, kính của đèn tại vị trí bóng số 13, 14, 15, 18 và 22; thay mới 03 tụ của đèn; bảo dưỡng các đèn còn lại.

+ Cột đèn C4: Thay mới bóng đèn bằng bóng đèn 1500W chống lóa, vệ sinh chóa, kính của đèn tại vị trí bóng số 16; thay mới 01 đèn tín hiệu máy bay; thay mới 01 tụ của đèn; bảo dưỡng các đèn còn lại.

(Chi tiết như hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công).

9. Tổng mức đầu tư (làm tròn): 1.251.140.000 đồng; trong đó:

- Chi phí xây dựng	:	466.193.646 đồng;
- Chi phí thiết bị	:	556.325.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án	:	32.280.202 đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXDCT	:	169.558.473 đồng;
- Chi phí khác	:	7.637.704 đồng;
- Chi phí dự phòng	:	19.144.975 đồng.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo).

10. Thời gian thực hiện: Năm 2024.

11. Nguồn vốn: Từ nguồn chi sự nghiệp văn hóa thông tin, thể dục thể thao, phát thanh truyền hình trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2024 (các nhiệm vụ phát sinh khác).

12. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án.

13. Các nội dung khác: Theo nội dung thẩm định của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 8248/SXD-HĐXD ngày 01/11/2024.

Điều 2. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Xây dựng, Chủ đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật (trong đó có trách nhiệm báo cáo, giải trình với các cơ quan thanh tra, kiểm toán,...) về nội dung, tính chính xác của hồ sơ dự án thẩm định, trình phê duyệt.

2. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT UBND tỉnh Đầu Thanh Tùng;
- Lưu: VT, CN_{HĐXD_TM.109}

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đầu Thanh Tùng

Phụ lục: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

**Dự án: Sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng
Sân vận động tỉnh Thanh Hóa.**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
I	Chi phí xây dựng	430.994.117	35.199.529	466.193.646
II	Chi phí thiết bị	505.750.000	50.575.000	556.325.000
III	Chi phí quản lý dự án	32.280.202		32.280.202
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	157.368.957	12.189.516	169.558.473
1	Chi phí khảo sát địa hình	2.677.778	214.222	2.892.000
2	Chi phí lập báo cáo KTKT	54.331.159	4.346.493	58.677.651
3	Chi phí thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật	3.118.519	249.481	3.368.000
4	Chi phí giám sát thi công xây dựng	14.158.157	1.132.653	15.290.810
5	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	4.268.530	341.482	4.610.012
6	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	3.000.000	240.000	3.240.000
7	Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất	3.000.000	240.000	3.240.000
8	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	2.000.000		2.000.000
9	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	3.000.000		3.000.000
10	Chi phí kiểm định chất lượng trước và sau khi thi công (kiểm tra độ rọi)	64.814.815	5.185.185	70.000.000
11	Chi phí thẩm định giá	3.000.000	240.000	3.240.000
V	Chi phí khác	7.637.704		7.637.704
1	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng	500.000		500.000
2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	7.137.704		7.137.704
VI	Chi phí dự phòng			19.144.975
1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh			19.144.975
	Tổng cộng	1.134.030.980	97.964.045	1.251.140.000